

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG & GIẢI TRÍ RUBIK**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG & GIẢI TRÍ RUBIK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: RUBIK MEDIA & ENTERTAINMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: RUBIK MEDIA .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109933491

**3. Ngày thành lập:** 16/03/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 16 ngõ 7 Đường Phùng Khoang, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0961811998

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Việc tổ chức các sự kiện, như kinh doanh hoặc triển lãm, giới thiệu, hội nghị.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8230(Chính) |
| 2.  | Giáo dục văn hoá nghệ thuật<br>Chi tiết: dạy nhiếp ảnh, dạy nghệ thuật biểu diễn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8552        |
| 3.  | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở và việc cung cấp các dịch vụ đáp ứng nhu cầu về thưởng thức văn hóa và giải trí cho khách hàng, bao gồm: sản xuất, quảng cáo, tham dự, việc trình diễn trực tiếp, các sự kiện hoặc các cuộc triển lãm dành cho công chúng; việc cung cấp các kỹ năng nghệ thuật, kỹ năng sáng tác hoặc kỹ thuật cho việc sản xuất các sản phẩm nghệ thuật và các buổi trình diễn trực tiếp. | 9000        |
| 4.  | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động của các sân nhảy; trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên mạng)                                                                                                                                                                                                                                         | 9329        |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ<br>Chi tiết: Tổ chức và phục vụ đám cưới, đám hỏi.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 9633        |
| 6.  | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6399        |
| 7.  | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7020        |
| 8.  | Quảng cáo<br>(Loại trừ: Quảng cáo thuốc lá<br>Chi tiết: Quảng cáo thương mại. Dịch vụ quảng cáo, tiếp thị, hỗ trợ khách hàng về truyền thông)                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7310        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Loại trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7320 |
| 10. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>Chi tiết:<br>- Chụp ảnh cho tiêu dùng và thương mại như:<br>+ Chụp ảnh đám cưới...,<br>+ Chụp ảnh cho mục đích thương mại, xuất bản, thời trang, bất động sản hoặc du lịch.<br>+ Chụp ảnh trên không.<br>+ Quay video: đám cưới, hội họp, các video quảng cáo...;<br>- Sản xuất phim:<br>+ Phát triển, in ấn và mở rộng từ bản âm hoặc phim chiếu bóng,<br>+ Phát triển phim và thử nghiệm in ảnh,<br>+ Rửa, khôi phục lại hoặc sửa lại ảnh; | 7420 |
| 11. | In ấn<br>(trừ các loại hình bị Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1811 |
| 12. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1812 |
| 13. | Sao chép bản ghi các loại<br>(Loại trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1820 |
| 14. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>(Trừ: Phát sóng, sản xuất phim và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)                                                                                                                                                                                         | 5911 |
| 15. | Hoạt động hậu kỳ<br>Chi tiết:<br>Hoạt động như biên tập, truyền phim/băng, đầu đề, phụ đề, giới thiệu phim (giới thiệu danh sách các diễn viên, đạo diễn, người quay phim...).                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5912 |
| 16. | Hoạt động chiếu phim                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5914 |
| 17. | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5920 |
| 18. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác<br>Chi tiết:<br>- Trang phục và giày dép;<br>- Đồ trang sức, thiết bị âm nhạc, bàn ghế, phong bật, quần áo;<br>- Hoa và cây;                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7729 |
| 19. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết:<br>- Thiết bị phát thanh, truyền hình và thông tin liên lạc chuyên môn,<br>- Thiết bị sản xuất điện ảnh.                                                                                                                                                                                                                                                                | 7730 |
| 20. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4321 |

**6. Vốn điều lệ:** 300.000.000 VNĐ

Thời gian đăng từ ngày 16/03/2022 đến ngày 15/04/2022

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán: 30.000**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông          | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                            | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN THỊ<br>KIM LỆ | Nhà A2209, Tòa<br>A chung cư<br>Hateco, Phường<br>Yên Sở, Quận<br>Hoàng Mai,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.500         | 15.000.000               | 5,000        | 0371940100<br>06                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                               | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                               | Tổng số                            | 1.500         | 15.000.000               | 5,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                               |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | ĐINH THỊ<br>THUYẾT   | Xóm Đông<br>Thượng, Xã Gia<br>Tân, Huyện Gia<br>Viễn, Tỉnh Ninh<br>Bình, Việt Nam                             | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 4.500         | 45.000.000               | 15,000       | 0371750046<br>41                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                               | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                               | Tổng số                            | 4.500         | 45.000.000               | 15,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                               |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                  |                                                                                                                   |                                    |        |             |        |                  |
|---|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 3 | VŨ TUẤN<br>THÀNH | Số 14 Ngõ<br>250/39/94 đường<br>Kim Giang,<br>Phường Đại Kim,<br>Quận Hoàng Mai,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 24.000 | 240.000.000 | 80,000 | 0370980027<br>46 |
|   |                  |                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                                                   | Tổng số                            | 24.000 | 240.000.000 | 80,000 |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: VŨ TUẤN THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/01/1998

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 037098002746

Ngày cấp: 17/09/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Xóm Đông Thượng, Xã Gia Tân, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 14, ngõ 250/39/94 đường Kim Giang, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội